

KHẢO SÁT KÊNH HÌNH TRONG BỘ TỪ ĐIỂN BÁCH KHOA VIỆT NAM

TRẦN THỊ PHƯƠNG *

Tóm tắt: Bộ Từ điển bách khoa Việt Nam 4 tập là bộ sách cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về đất nước, con người, lịch sử, xã hội, văn hóa, khoa học, công nghệ Việt Nam và tri thức văn hóa, khoa học của thế giới. Bài viết khảo sát kênh hình trong bộ Từ điển bách khoa Việt Nam, từ đó đưa ra một số nhận xét cơ bản về tiêu chí lựa chọn hình ảnh; về kích cỡ, màu sắc, việc chú nguồn,... của các hình minh họa trong bộ Từ điển bách khoa Việt Nam.

Từ khóa: Kênh hình, từ điển, Từ điển bách khoa Việt Nam.

Abstract: The 4-volume *Encyclopedic Dictionary of Vietnam* supplies the most basic knowledge of the country, people, history, society, culture, science, and technology of Vietnam, and cultures and sciences of other countries in the world. The article surveys the illustrations in the *Encyclopedic Dictionary of Vietnam*, and then presents some comments on the criteria for selecting illustrations; sizes, colors, source notation, etc. of the illustrations used in the Dictionary.

Key words: Illustrations, dictionary, *Encyclopedic Dictionary of Vietnam*.

1. Mở đầu

Từ điển bách khoa Việt Nam là bộ từ điển gồm 4 tập do Hội đồng Quốc gia Chỉ đạo biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam

tổ chức biên soạn, Nhà xuất bản Từ điển bách khoa xuất bản rải rác từ năm 1995 - 2005, mỗi tập dày trên dưới 1.000 trang, khổ 19×27 cm. Bộ Từ điển bách khoa Việt Nam tổng hợp nhiều chuyên ngành, rất thông dụng, dành cho những người có trình độ trung học trở lên muốn tìm hiểu về văn hóa, đất nước, lịch sử, khoa học công nghệ của Việt Nam xưa và nay và những tri thức văn hóa, khoa học kỹ thuật của thế giới. Bộ Từ điển do khoảng 1.200 nhà khoa học hàng đầu ở Việt Nam biên soạn trong 15 năm, với khoảng hơn 40.000 mục từ thuộc 36 chuyên ngành khoa học khác nhau.

Bài viết khảo sát kênh hình trong bộ Từ điển bách khoa Việt Nam nhằm đưa ra những nhận xét, đánh giá một cách khách quan về việc sử dụng kênh hình, để từ đó có thể tham khảo vận dụng vào việc biên soạn từ điển và bách khoa thư trong bối cảnh hiện nay.

2. Một số vấn đề chung

2.1. Kênh hình và các nghiên cứu về kênh hình

Kênh hình (hình minh họa) là thành phần quan trọng của mọi bộ sách, bao gồm: tranh, ảnh, hình vẽ, sơ đồ, bảng biểu, bản

* ThS - Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam; Email: tranphuong7990@gmail.com

đồ, trang phụ bản màu,... Kênh hình có tính tri thức và đóng vai trò là một phần của nội dung mục từ cần tra cứu, cùng với kênh chữ đảm bảo cho người đọc có thể tra cứu, tìm kiếm và học tập một cách hiệu quả nhất. Vì vậy, việc biên soạn, biên tập kênh hình là một phần việc quan trọng cho mọi loại sách tra cứu. Kênh hình đã trở thành một tiêu chí để đánh giá các loại sách tra cứu.

Các nghiên cứu về kênh hình đã được nhiều học giả quan tâm, tiếp cận, có thể kể đến như sau:

Tác giả Bùi Thanh Dũng trong bài viết *Quy cách trình bày kênh hình trong bách khoa thư địa phương* [1] đã nêu lên vai trò của kênh hình, đưa ra một số ví dụ về kênh hình trong các loại từ điển, từ điển bách khoa và bách khoa thư. Bài viết đưa ra 5 nguyên tắc lựa chọn trình bày kênh hình gồm: đảm bảo tính tin cậy, tính đặc trưng tiêu biểu, tính cấu trúc, tính cân đối và tính dễ tra cứu. Từ đó đưa ra quy cách trình bày kênh hình cho bách khoa thư địa phương đối với các loại mục từ cụ thể.

Tác giả Đặng Thị Phương trong bài viết *Một số ý kiến về quy trình biên tập kênh hình đối với các quyển chuyên ngành bộ Bách khoa toàn thư Việt Nam* [7] đã khái quát về kênh hình, xây dựng một số nguyên tắc khi biên tập kênh hình: biên tập theo đúng nguyên tắc thể lệ, theo đúng tiêu chí lựa chọn kênh hình, đảm bảo tính chính xác, tính thống nhất. Sau đó, đưa ra quy trình biên tập kênh hình đối với các quyển chuyên ngành bộ *Bách khoa toàn thư Việt Nam*.

Bài viết *Kênh hình trong bách khoa thư* [2] của tác giả Hà Thùy Dương tìm hiểu về kênh hình trong bách khoa thư. Từ đó thấy rằng, cách thức và phương pháp lựa chọn kênh hình để đưa vào bách khoa thư là việc cần thiết phải làm. Tác giả đưa ra một số

yêu cầu, quy ước thể hiện kênh hình, nguyên tắc sưu tầm và xây dựng ngân hàng dữ liệu kênh hình. Việc đưa kênh hình vào bách khoa thư cần phải đạt được yêu cầu tăng nội dung thông tin, có tính tư tưởng, tính khoa học nhằm thu hút người đọc và làm sinh động bộ sách.

Những nghiên cứu về kênh hình trong từ điển và bách khoa thư khá đa dạng, phong phú. Trước đây, khi biên soạn và xuất bản *Từ điển bách khoa Việt Nam*, Hội đồng Quốc gia Chỉ đạo biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam cũng đã quan tâm tới kênh hình. Tuy nhiên, chưa có công trình cụ thể nào nghiên cứu về kênh hình trong bộ *Từ điển bách khoa Việt Nam*.

2.2. Sơ lược về bộ Từ điển bách khoa Việt Nam

Bộ *Từ điển bách khoa Việt Nam* gồm 4 tập: Tập 1 xuất bản năm 1995, đầu mục từ sắp xếp từ vần A đến Đ, gồm 12.223 mục từ, 369 hình minh họa và 48 trang phụ bản màu; Tập 2 xuất bản năm 2002, từ vần E đến M, gồm 11.341 mục từ, 734 hình minh họa và 40 trang phụ bản màu; Tập 3 xuất bản năm 2003, từ vần N đến S, gồm 9.274 mục từ, 621 hình minh họa và 44 trang phụ bản màu; Tập 4 xuất bản năm 2005, từ vần T đến Z, gồm 11.412 mục từ, 500 hình minh họa và 44 trang phụ bản màu.

Cấu trúc chung gồm *Lời nói đầu*; *Bảng chỉ dẫn*; *Danh sách Hội đồng Quốc gia Chỉ đạo biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam*; *Ban Biên soạn*; *Các Ban Biên soạn chuyên ngành*; *Phần từ điển*; *Phụ lục hệ đơn vị các đại lượng vật lý* (tập 4); *Bảng đối chiếu tên riêng Việt - Hán* (tập 2, 3, 4); *Bảng đối chiếu tên riêng Việt - Nga* (tập 2, 3, 4); *Bảng mục từ và mục lục*.

Từ điển bách khoa Việt Nam có 8 loại mục từ chủ yếu. Mỗi loại mục từ có một

cấu trúc thông tin riêng nhưng không phải tất cả các mục từ thuộc cùng chủ đề đều có đầy đủ thông tin như nhau. Các mục từ trong từ điển bách khoa có tính chất phổ thông được chọn lọc cẩn thận, chính xác, ngắn gọn. Bên cạnh đó, việc lựa chọn tranh, ảnh, sơ đồ, bảng biểu, bản đồ minh họa làm rõ nội dung mục từ cũng rất quan trọng. Sử dụng kênh hình (hình minh họa) cùng với kênh chữ là phương tiện truyền tải nội dung khoa học, bổ sung cho kênh chữ các nội dung thông tin của mục từ.

2.3. Cấu trúc vĩ mô và vi mô của Từ điển bách khoa Việt Nam

Cấu trúc vĩ mô của từ điển bách khoa là bảng đầu mục từ. Theo thống kê, bộ *Từ điển bách khoa Việt Nam* có 44.250 mục từ. Các mục từ được chia thành 8 loại sau: 1. Mục từ thuật ngữ, khái niệm; 2. Mục từ nhân danh; 3. Mục từ địa danh; 4. Mục từ tác phẩm, báo chí; 5. Mục từ dân tộc; 6. Mục từ tổ chức; 7. Mục từ di tích, di sản; 8. Mục từ sự kiện, phong trào.

Các loại mục từ này thuộc 36 chuyên ngành gồm: 1. An ninh; 2. Chính trị học; 3. Dân tộc học; 4. Giáo dục học; 5. Khảo cổ học; 6. Kinh tế học; 7. Lịch sử; 8. Luật học; 9. Ngoại giao; 10. Quân sự; 11. Truyền hình - Phát thanh - Thông tấn xã - Báo chí; 12. Di tích - Bảo tàng - Thư viện - Xuất bản; 13. Tổ chức; 14. Triết học; 15. Âm nhạc; 16. Điện ảnh; 17. Kiến trúc; 18. Mỹ thuật; 19. Múa; 20. Ngôn ngữ học; 21. Nhiếp ảnh; 22. Sân khấu; 23. Văn học; 24. Cơ học; 25. Công nghiệp; 26. Địa chất học; 27. Địa lý học; 28. Hóa học; 29. Nông nghiệp; 30. Sinh học; 31. Tin học; 32. Thể dục - Thể thao; 33. Toán học; 34. Vật lý học - Thiên văn học; 35. Y học; 36. Tiêu chuẩn đo lường chất lượng - Sở hữu trí tuệ - Môi trường.

“Đây là bộ từ điển bách khoa tổng hợp

nhiều chuyên ngành, cỡ trung bình, có tính chất thông dụng, dùng cho đông đảo bạn đọc. Các tri thức được trình bày ngắn gọn, dễ hiểu, bằng ngôn ngữ trong sáng”; bộ từ điển ra đời với “mục đích giới thiệu những tri thức cơ bản nhất về con người, lịch sử, xã hội, văn hóa, khoa học, công nghệ Việt Nam xưa và nay; giới thiệu những tri thức văn hóa, khoa học, kỹ thuật của thế giới” [3, tập 1, tr.5]. Bộ sách là sự tổng hợp lại những giá trị văn hóa tinh thần to lớn và quý báu của dân tộc nhằm phổ biến những giá trị ấy cho nhân dân ta và giới thiệu với bạn bè thế giới.

Cấu trúc vi mô của từ điển bách khoa là cấu trúc của mỗi loại mục từ. Tìm hiểu cấu trúc vi mô thực chất là tìm hiểu thông tin được đưa vào mục từ. Mục từ trong từ điển bách khoa là “một khái niệm hoàn chỉnh hoặc một chủ đề tri thức độc lập, có thể tra cứu, tìm đọc độc lập, chứ không phải là một mặt phiên diện, một tầng bậc phái sinh hoặc chỉ là một khía cạnh, một góc độ của một chủ đề hoặc một khái niệm” [6, tr.69].

Trong từ điển bách khoa, mục từ là đơn vị tra cứu chính, chứa đựng những thông tin nhằm giải thích hoặc chỉ dẫn khoa học của các khái niệm, tên gọi có mặt trong bảng từ chuyên ngành hoặc bảng từ tổng hợp. Thành phần đầy đủ trong một mục từ có thể bao gồm: 1. Đầu mục từ (hoặc đề mục) tức tên gọi mục từ; 2. Định nghĩa, nội dung giải thích đầu mục từ và những chỉ dẫn khoa học có liên quan đến đầu mục từ; 3. Minh họa, ảnh, bản đồ. Trong bài viết này, chúng tôi tập trung vào việc khảo sát kênh hình của bộ *Từ điển bách khoa Việt Nam* theo 8 loại mục từ chủ yếu trên.

3. Đặc điểm kênh hình trong bộ Từ điển bách khoa Việt Nam

Qua khảo sát, chúng tôi thống kê được

trong 4 tập của bộ *Từ điển bách khoa Việt Nam* có tổng số 2.224 tranh, ảnh, hình vẽ, bản đồ, biểu đồ minh họa. Cụ thể phân loại theo 8 loại mục từ như sau:

Loại mục từ	Thuật ngữ, khái niệm	Nhân danh	Địa danh	Tác phẩm, báo chí	Dân tộc	Tổ chức	Di tích, di sản	Sự kiện, phong trào
Số lượng	950	467	344	212	40	2	189	20
Tỉ lệ (%)	42,7	21	15,5	9,5	1,8	0,1	8,5	0,9

3.1. Hình minh họa cho loại mục từ thuật ngữ, khái niệm

Hình minh họa cho loại mục từ thuật ngữ, khái niệm chủ yếu minh họa cho các thuật ngữ thuộc các ngành vật lý, toán học, sinh học, hóa học, kinh tế, y học,... Thống kê có 950 tranh, ảnh, hình vẽ, trong đó, số lượng hình ảnh minh họa cho thuật ngữ, khái niệm thuộc ngành sinh học là nhiều nhất 406 hình ảnh, 109 hình ảnh về thuật ngữ vật lý, 89 hình ảnh thuật ngữ toán học; còn lại 346 tranh, ảnh, hình vẽ về các thuật ngữ hóa học, kinh tế, quân sự, y học, văn hóa,... Hình minh họa cho loại mục từ thuật ngữ, khái niệm chủ yếu là tranh, ảnh, hình vẽ đen trắng, có kích thước rất đa dạng, được bố trí phù hợp với khung hình, giúp người đọc dễ tra cứu, tìm hiểu.

Hình minh họa cho các thuật ngữ, khái niệm ngành sinh học chiếm số lượng nhiều nhất bởi hình ảnh các loài thực vật và động vật dễ thu thập hơn. Kích cỡ của loại ảnh này khá đa dạng, phổ biến 7,5×5 cm, 7,5×6,5 cm, 7×3,5 cm. Chú thích dưới mỗi hình minh họa gồm: tên riêng của loài thực vật, động vật. Một số mục từ có nhiều hình minh họa hoặc ảnh minh họa có nhiều phần chú thích được đánh theo thứ tự chữ số Ả Rập hoặc thứ tự chữ cái tiếng Việt (ví dụ: *Bò sát, Mèo, Giải phẫu cá, Chuột,...*).

Hình minh họa cho các thuật ngữ, khái niệm thuộc các ngành vật lý, hóa học, toán học, kinh tế, quân sự, y học,... là những hình vẽ, sơ đồ, đa dạng về kích thước nhằm giải

thích các thông tin đặc thù, làm rõ nghĩa cho các thuật ngữ, khái niệm, thường được đặt phía bên phải hoặc cuối nội dung mục từ. Chú thích được đặt dưới mỗi hình minh họa.

Có những hình minh họa mà có hai đến ba ngành cùng đưa vào do nội dung mục từ mang tính chất liên ngành, nghĩa là một mục từ có thể cả hai ngành hoặc ba ngành cùng viết. Ví dụ: ngành địa lý có chuyên ngành khí tượng học thì ngành vật lý có nghiên cứu về thiên văn, hai ngành này trùng nhau khi nghiên cứu về tầng khí quyển. Như vậy sẽ có chung một hình minh họa về cấu trúc tầng khí quyển [3, tập 2, tr.503].

3.2. Hình minh họa cho loại mục từ nhân danh

Trong 467 hình minh họa cho loại mục từ nhân danh có 414 hình minh họa nhân vật nước ngoài, 53 hình minh họa nhân vật Việt Nam. Hình minh họa các nhân vật chủ yếu là ảnh chân dung hình chữ nhật có kích thước 4,8×3,5 cm, một số ảnh chân dung là hình ô van có kích thước 4,5×3,5 cm và số ít nhân vật có hình minh họa là tượng bán thân hoặc toàn thân. Vị trí các ảnh đều theo tiêu chí đặt bên phải mục từ, chiếm khoảng ½ cột trình bày nội dung.

Hình minh họa cho loại mục từ nhân danh thường là ảnh đen trắng, rất ít ảnh màu, chẳng hạn như trong tập 2 có 05 nhân vật Việt Nam có hình minh họa là ảnh màu gồm: *Lê Duẩn, Lê Đức Anh, Lê Khả Phiêu, Lê Quang Đạo* có kích thước 4×6 cm; đặc

biệt hình minh họa *Hồ Chí Minh* có kích thước 6×8 cm. Hình minh họa thường là ảnh chụp những nhân vật nổi tiếng thuộc các lĩnh vực khác nhau: lãnh tụ các nước trên thế giới, nhà hoạt động cách mạng, nhà chính trị, nhà ngoại giao, nhà văn, nhà thơ, họa sĩ, diễn viên, các nhân vật lịch sử,... Chú thích ảnh chỉ có tên nhân vật, được đặt căn giữa ở dưới mỗi ảnh.

Qua khảo sát cho thấy, do chưa có những tiêu chí cụ thể để làm cơ sở lựa chọn hình minh họa nên tính toàn diện, tính cân đối, tính hệ thống của hình minh họa cho loại mục từ nhân danh chưa được đảm bảo. Số lượng ảnh nhân vật thế giới nhiều hơn số lượng ảnh nhân vật Việt Nam, số lượng ảnh nhân vật là nhà văn, nhà thơ nhiều hơn số lượng ảnh nhân vật các ngành khác. Việc đưa hình minh họa cho loại mục từ nhân danh vào từ điển thường căn cứ vào mức độ công hiến và tầm ảnh hưởng của nhân vật để quyết định. Tuy nhiên, khi lựa chọn ảnh minh họa cần đưa ra những tiêu chí lựa chọn riêng cho từng ngành, nhưng vẫn phải dựa trên cơ sở đảm bảo những tiêu chí thống nhất chung của toàn bộ từ điển.

3.3. Hình minh họa cho loại mục từ địa danh

Chúng tôi thống kê được 344 tranh, ảnh, bản đồ minh họa. Trong đó có 144 tranh ảnh bản đồ của các quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới; 64 bản đồ các tỉnh, thành phố lớn của Việt Nam; 118 hình minh họa là các thủ đô, thành phố, vùng biển, vịnh, núi, sông, hồ trên thế giới; 18 hình minh họa là các thành phố, vùng biển, vịnh, núi, sông, hồ của Việt Nam.

Qua khảo sát chúng tôi thấy, hình minh họa cho loại mục từ địa danh là những bản đồ thể hiện đặc trưng riêng của ngành địa lý, ngoài ra còn đưa ảnh của tất cả các thủ đô và một số địa danh nổi tiếng. Dựa vào tiêu chí chung thì ảnh minh họa là bản đồ

thế giới, bản đồ các khu vực (các châu lục), các quốc gia và các vùng lãnh thổ. Đối với các nước trên thế giới thì hình minh họa là bản đồ quốc gia. Đối với Việt Nam, tiêu chí rõ ràng là đưa tất cả bản đồ đến cấp tỉnh và thành phố.

Bản đồ được đặt trong mục từ để minh họa cho nội dung mục từ. Nếu mục từ chỉ có phần giải thích nội dung thì người đọc sẽ không hình dung được quốc gia, địa danh này nằm ở đâu, ở tọa độ nào, tiếp giáp với các nước nào, theo hướng nào. Nhưng chỉ cần có thêm một bản đồ kèm theo mục từ thì người đọc dễ dàng nhận ra vị trí cần xác định. Các bản đồ có kích thước khác nhau tùy theo không gian địa lý của từng quốc gia, vùng lãnh thổ, thành phố mà người biên soạn dựa vào tỉ lệ tương ứng để phiên ra kích cỡ bản đồ. Vì vậy, kích thước bản đồ khá đa dạng: 5,5×7,5 cm; 6,5×7,5 cm; 7×7,5 cm; 9×7,5 cm; 15×15 cm; 16×19 cm. Chú thích bản đồ được đặt ở dưới (riêng ở tập 1 bản đồ địa danh không có chú thích), chưa thống nhất về màu sắc: bản đồ thường là ảnh đen trắng, riêng có bản đồ Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh lại là ảnh màu. Bản đồ minh họa được đặt ở giữa mục từ, có những bản đồ minh họa chiếm 1 cột trình bày nội dung, một số ít chiếm cả trang giấy.

Tranh, ảnh minh họa là thủ đô của các nước trên thế giới, thành phố, vùng biển, vịnh, núi, sông, hồ có kích thước chủ yếu là 7,5×11,5 cm và 5,5×10,5 cm; chiếm hơn một cột trình bày nội dung. Hình minh họa được đặt ở cuối mục từ, chú thích chữ thường ngay dưới ảnh. Có một số mục từ nội dung ở một trang, hình minh họa ở một trang khác như các mục từ: *Lima, Luân Đôn, Môtêvidiô*,...

3.4. Hình minh họa cho loại mục từ tác phẩm, báo chí

Trong số 212 hình ảnh minh họa cho

mục từ tác phẩm, báo chí có 204 hình ảnh tác phẩm là tranh, ảnh mỹ thuật, công trình nổi tiếng của các tác giả trong và ngoài nước; 05 hình ảnh là tác phẩm báo chí, riêng tác phẩm văn học là rất ít, chỉ có 03 tác phẩm tiêu biểu như *Nhật ký trong tù*, *Truyện Kiều*, *Việt âm thi tập* có hình ảnh minh họa. Số lượng tranh, ảnh minh họa các tác phẩm nước ngoài nhiều hơn số lượng ảnh minh họa các tác phẩm của Việt Nam.

Hình ảnh minh họa mục từ tác phẩm, báo chí là tranh, ảnh đen trắng, kích thước khá đa dạng, được đặt dưới nội dung mục từ. Chú thích tranh ảnh, công trình gồm có tên tác giả in thường chữ đầu viết hoa, tên tác phẩm in nghiêng trong ngoặc kép. Thông thường hình minh họa chiếm 1 cột trình bày nội dung.

3.5. Hình minh họa cho loại mục từ dân tộc

Theo chúng tôi thống kê có 40 hình ảnh minh họa cho mục từ các dân tộc. Hình minh họa là ảnh người thuộc các dân tộc Việt Nam, không có ảnh minh họa các dân tộc trên thế giới, ảnh đen trắng, kích thước khá thống nhất khoảng 6,5×4,5 cm. Chú thích là tên người dân tộc, đặt căn giữa ở dưới mỗi ảnh. Vị trí ảnh minh họa đặt phía bên phải hoặc ở giữa mục từ, thường chiếm 1 cột trình bày, số ít chiếm ½ cột trình bày nội dung. Một số hình ảnh người dân tộc trùng lặp với chủ đề các dân tộc trong trang phụ bản màu 1.

3.6. Hình minh họa cho loại mục từ tổ chức

Hình ảnh minh họa cho các tổ chức là rất ít. Chúng tôi thống kê được chỉ có 02 hình ảnh minh họa về tổ chức, đó là tổ chức *Quân đội nhân dân Việt Nam* và *Trường Đại học Y Hà Nội*. Hình ảnh minh họa là ảnh đen trắng, được đặt ở giữa phần nội dung mục từ, chú thích chữ thường đặt dưới căn giữa, kích thước 6×7,5 cm và 5×7,5 cm.

3.7. Hình minh họa cho loại mục từ di tích, di sản

Trong các mục từ di tích, di sản có 189 hình minh họa là những tranh, ảnh di tích lịch sử, đền, đình, chùa, miếu, công trình nổi tiếng,... Cụ thể, tập 1 có 34 hình, tập 2 có 53 hình, tập 3 có 47 hình, tập 4 có 55 hình. Trong đó chỉ có khoảng 25 hình minh họa là di tích, di sản nổi tiếng thế giới. Hình ảnh minh họa cho mục từ di tích, di sản chưa cân đối giữa thế giới và Việt Nam là do khâu lựa chọn mục từ và hình ảnh minh họa cho mục từ chưa thống nhất, chưa xây dựng được tiêu chí riêng khi lựa chọn ảnh minh họa cho các di tích, di sản. Ví dụ: có thể đưa ra tiêu chí lựa chọn ảnh minh họa cho các mục từ theo danh sách di tích, di sản được UNESCO công nhận.

Hình ảnh về các di tích, di sản đều là ảnh chụp đen trắng, có kích thước phổ biến 5×7,5 cm; 6×7,5 cm; 6,5×9,5 cm. Hình ảnh minh họa đặt dưới nội dung mục từ, chú thích chữ thường đặt dưới hình ảnh, chiếm 1 cột trình bày nội dung, có một số hình ảnh chiếm hơn một cột trình bày. Có sự trùng lặp về di sản Nhà hát lớn. Hình minh họa Nhà hát lớn được minh họa trong mục từ Hà Nội lặp lại trong mục từ Nhà hát lớn.

3.8. Hình minh họa cho loại mục từ sự kiện, phong trào

Hình ảnh minh họa cho các sự kiện, phong trào là rất ít. Chúng tôi thống kê có 11 hình ảnh là bản đồ sự kiện gắn với các cuộc khởi nghĩa, trận đánh lịch sử; 09 hình ảnh của các sự kiện là lễ hội như: *Lễ cưới ở Việt Nam*, *Tết nguyên đán*, *Tết trung thu*,... Hình ảnh minh họa cho mục từ này đều là ảnh đen trắng, vị trí ở cuối nội dung mục từ, chú thích in nghiêng ngay dưới ảnh, chiếm 1 cột trình bày nội dung. Hình ảnh minh họa cho mục từ này đều là các sự kiện,

phong trào của Việt Nam, không có hình ảnh nào minh họa cho sự kiện, phong trào của các nước trên thế giới.

Ngoài những tranh, ảnh, hình vẽ, bản đồ minh họa,... bộ *Từ điển bách khoa Việt Nam* còn có 176 trang phụ bản màu và đen trắng theo từng chủ đề khác nhau về các lĩnh vực văn hóa, lễ hội, âm nhạc, hội họa, mỹ thuật, điêu khắc, kiến trúc, nghệ thuật, trang phục, các dân tộc, bản đồ,... Hình ảnh trong các trang phụ bản màu thống nhất theo từng chủ đề về kích thước, màu sắc, cách ghi chú,...

4. Nhận xét

Sau khi khảo sát về kênh hình trong bộ *Từ điển bách khoa Việt Nam*, chúng tôi rút ra một số nhận xét như sau:

Về hình thức:

- Số lượng mục từ giữa các ngành không đồng đều nên số lượng hình minh họa cho mục từ giữa các ngành cũng chưa đồng đều, cần có những quy định cụ thể về số lượng hình ảnh minh họa cho các loại mục từ. Trước hết cần xây dựng tiêu chí chung đối với các loại mục từ, loại mục từ nào thì có hình minh họa và được sử dụng loại hình ảnh với kích cỡ nào. Chưa có sự cân đối về lựa chọn hình ảnh minh họa, có ngành đưa rất nhiều hình ảnh minh họa có ngành lại đưa rất ít. Do vậy, cần đưa ra những quy định chung, tiêu chí cụ thể cho từng ngành về việc lựa chọn hình minh họa, có quy ước về mục từ có kênh hình.

- Kênh hình gồm các loại: tranh, ảnh đen trắng, ảnh màu, hình vẽ, bản đồ, sơ đồ, bảng, biểu đồ, phụ bản đen trắng và phụ bản màu.

- Kênh hình có nhiều loại kích cỡ, vị trí (trừ bản đồ khảo sát thấy được có một quy ước chung cho kích cỡ từng bản đồ là dựa

vào độ dọc và độ ngang để quy ước độ lớn của quốc gia thể hiện trên bản đồ). Vấn đề về xử lý kênh hình chưa đề ra tiêu chí cụ thể về kích cỡ, màu sắc, vị trí (trái cột, phải cột, toàn cột, toàn trang), ghi chú,... cho các loại minh họa nói chung. Nhiều hình ảnh chưa chú thích rõ nguồn, chưa có các tiêu chí rõ ràng trong việc lựa chọn hình ảnh minh họa cho từng mục từ. Cần quy định những kích cỡ tiêu chuẩn cho các hình ảnh minh họa, không nên sử dụng quá nhiều loại kích cỡ kênh hình khác nhau, chỉ nên quy định khoảng 3 loại kích cỡ của kênh hình, đó là kích cỡ chiều rộng theo cả trang, nửa trang và ¼ trang. Chiều cao thì tùy theo từng loại hình ảnh cụ thể mà có những quy định khác nhau.

Việc đưa hình ảnh minh họa vào mục từ có tác dụng làm nổi bật lên nội dung mục từ muốn trình bày, giúp bạn đọc dễ hiểu hơn về nội dung mục từ. Để đạt được điều này cần phải xác định chính xác kích thước, vị trí, số lượng, màu sắc của hình ảnh minh họa. Hình minh họa phải được đặt hài hòa trong văn bản, hình ảnh nên đặt càng gần văn bản thì càng tốt, chú thích phải tương ứng với hình ảnh và nội dung minh họa.

Về nội dung:

- Các hình minh họa trong *Từ điển bách khoa Việt Nam* xuất hiện ở các loại mục từ: thuật ngữ, nhân danh, địa danh, dân tộc, tác phẩm - báo chí, tổ chức, di tích - di sản, phong trào - sự kiện. Các hình minh họa rất đa dạng về nội dung, gồm ảnh chân dung những nhân vật lịch sử thế giới và Việt Nam, ảnh chân dung các tác giả, các vĩ nhân, các bản đồ địa lý các thành phố lớn, các quốc gia và vùng lãnh thổ. Ngoài ra còn có cả những ảnh chụp các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh như đền, chùa, tháp, cung điện, hang động, những chi tiết máy

móc, các hình ảnh tác phẩm nghệ thuật, mô hình, sơ đồ, biểu bảng,...

- Một số hình ảnh minh họa trong các mục từ bị trùng lặp với các hình ảnh trong các trang phụ bản màu. Cần thống nhất trong Ban Biên soạn trước khi lựa chọn hình ảnh minh họa đưa vào mục từ và các trang phụ bản màu.

- Hình ảnh minh họa giúp giảm bớt nội dung kênh chữ, các hình ảnh minh họa có tính tri thức: nghĩa là khi xem tranh, ảnh, người đọc cũng có thêm nhận thức về sự vật, hiện tượng đang nói đến mà văn bản không lột tả hết được. Nên có sự thống nhất trong hình ảnh minh họa, cùng một loại mục từ thì hình ảnh minh họa đưa vào phải thống nhất.

- Hình ảnh minh họa chưa phong phú và không đồng đều ở các tập, ở những tập sau chất lượng hình ảnh minh họa đã có sự tiến bộ, do thời gian sưu tầm hình ảnh có hạn và kỹ thuật in ấn sau này cũng tốt hơn nên tranh ảnh đưa vào rõ nét hơn, gây hứng thú và lôi cuốn người đọc hơn.

5. Kết luận

Qua việc khảo sát kênh hình trong bộ *Từ điển bách khoa Việt Nam* chúng tôi nhận thấy, kênh hình trong từ điển rất đa dạng, gồm các loại: tranh, ảnh đen trắng, ảnh màu, hình vẽ, bản đồ, sơ đồ, bảng, biểu đồ, phụ bản đen trắng và phụ bản màu. Tuy nhiên, vấn đề xử lý kênh hình chưa đề ra những tiêu chí cụ thể về kích cỡ, màu sắc, vị trí (trái cột, phải cột, toàn cột, toàn trang), ghi chú,... cho các loại minh họa nói chung; khá nhiều hình ảnh chưa chú thích rõ nguồn, chưa có các tiêu chí rõ ràng trong việc lựa chọn hình ảnh minh họa cho từng mục từ. Một số hình ảnh minh họa trong các mục từ bị trùng lặp với các hình ảnh trong các trang phụ bản màu.

Do vậy, việc đưa hình ảnh minh họa cần phải theo một tiêu chí chung, tránh tình trạng ngành đưa quá nhiều hình, ngành đưa quá ít hình hay thậm chí không đưa vào. Hình đưa vào phải điển hình và được lựa chọn kỹ lưỡng. Hình minh họa cần đạt yêu cầu tăng nội dung thông tin, có tính khoa học, tính tư tưởng, tính nghệ thuật và thu hút được người đọc.

Qua đây có thể thấy được kênh hình là một trong những nội dung quan trọng trong biên soạn các loại từ điển, từ điển bách khoa và bách khoa toàn thư. Kênh hình giúp cho người đọc dễ hiểu hơn về nội dung mục từ. Do vậy cần khai thác triệt để những lợi thế của hình ảnh minh họa khi biên soạn các công trình từ điển, từ điển bách khoa và bách khoa toàn thư.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bùi Thanh Dũng, “Quy cách trình bày kênh hình trong bách khoa thư địa phương”, *Từ điển học và Bách khoa thư*, số 5(55), 2019.
- [2] Hà Thùy Dương, “Kênh hình trong bách khoa thư”, *Từ điển học và Bách khoa thư*, số 2(76), 2022.
- [3] Hội đồng Quốc gia Chỉ đạo biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam, *Từ điển bách khoa Việt Nam*, 4 tập, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, 1995 - 2005.
- [4] Đỗ Thị Lượng, “Về vấn đề biên tập Từ điển bách khoa Việt Nam (qua bộ Từ điển bách khoa Việt Nam, 4 tập)”, *Từ điển học và Bách khoa thư*, số 6(14), 2011.
- [5] Đỗ Thị Lượng, “Cách thức thể hiện kênh chữ trong Từ điển bách khoa Việt Nam”, *Từ điển học và Bách khoa thư*, số 2(22), 2013.
- [6] Nhiều tác giả, *Một số vấn đề từ điển học*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1997.
- [7] Đặng Thị Phượng, “Một số ý kiến về quy trình biên tập kênh hình đối với các quyển chuyên ngành bộ Bách khoa toàn thư Việt Nam”, *Từ điển học và Bách khoa thư*, số 1(69), 2021.
- [8] Nguyễn Trung Thuần, “Bộ Từ điển bách khoa Việt Nam”, *Từ điển học và Bách khoa thư*, số 1(21), 2013.
- [9] Hà Học Trạc, *Lịch sử - Lý luận và thực tiễn biên soạn bách khoa toàn thư*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2004.